

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Zegers-Hochschild F, Adamson GD, Dyer S, et al.** The international glossary on infertility and fertility care, 2017. Human reproduction. 2017; 32(9):1786-1801.
2. **Inhorn MC, Patrizio P.** Infertility around the globe: new thinking on gender, reproductive technologies and global movements in the 21st century. Human reproduction update. 2015; 21(4):411-426.
3. **Cimadomo D, Fabozzi G, Vaiarelli A, Ubaldi N, Ubaldi FM, Rienzi L.** Impact of Maternal Age on Oocyte and Embryo Competence. Front Endocrinol (Lausanne). 2018;9:327.
4. **Liu X-Y, Fan Q, Wang J, et al.** Higher chromosomal abnormality rate in blastocysts from young patients with idiopathic recurrent pregnancy loss. Fertility and Sterility. 2020; 113(4):853-864.
5. **Lehmann P, Vélez MP, Saumet J, et al.** Anti-Müllerian hormone (AMH): a reliable biomarker of oocyte quality in IVF. J Assist Reprod Genet. 2014;31(4):493-498.
6. **Shim SH, Ha HI, Jung YW, et al.** Maternal antimüllerian hormone as a predictor of fetal aneuploidy occurring in an early pregnancy loss. Obstet Gynecol Sci. 2015;58(6):494-500.
7. **Barbakadze L, Kristesashvili J, Khonelidze N, Tsagareishvili G.** The correlations of anti-müllerian hormone, follicle-stimulating hormone and antral follicle count in different age groups of infertile women. Int J Fertil Steril. 2015;8(4):393-398.

KHẢO SÁT KIẾN THỨC VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN VỀ CÂY THUỐC NAM CỦA SINH VIÊN Y HỌC CỔ TRUYỀN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2021

Võ Tuyết Ngân*, Trần Văn Đệ*, Nguyễn Ngọc Chi Lan*, Lê Thị Mỹ Tiên*,
Bùi Nguyễn Như*, Trần Thị Thúy Vy*, Trần Đăng Khoa*,
Lâm Quang Vinh*, Huỳnh Phương Nhật Quỳnh*

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Nhu cầu cung cấp kiến thức về cây thuốc nam, đặc biệt đối với sinh viên Y học cổ truyền hiện nay rất quan trọng. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỉ lệ sinh viên có kiến thức về thuốc nam và một số yếu tố liên quan đến kiến thức của sinh viên Y học cổ truyền Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp mô tả cắt ngang và bảng hình thức phỏng vấn trả lời trực tiếp thông qua bảng câu hỏi về tên cây, bộ phận dùng, tác dụng của 25 cây thuốc nam được chọn trong một cuộc khảo sát nhỏ những cây thuốc thường gặp tại vùng Đồng bằng Sông Cửu Long trong tổng số 70 cây thuốc nam thuộc bộ tranh cây thuốc mẫu sử dụng trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền của Bộ Y Tế. Thời gian khảo sát được tiến hành từ tháng 6/2021 đến tháng 7/2021. Đối tượng nghiên cứu là 120 sinh viên ngành Y học cổ truyền năm 1, 2, 5 và 6. **Kết quả:** sinh viên có mức phân loại kiến thức tốt về tên cây là 35,8%, bộ phận dùng là 36,7% và tác dụng là 26,7%. Trung bình mỗi sinh viên trả lời đúng tên của 13,63/25 cây, bộ phận dùng của 13,58/25 cây và tác dụng của 10,90/25 cây. **Kết luận:** Phần lớn sinh viên có kiến thức chưa tốt về cây thuốc nam.

Từ khóa: Thuốc nam, y học cổ truyền, sinh viên Trường Đại học Y dược Cần Thơ, kiến thức

SUMMARY

ASSESSMENT OF KNOWLEDGE AND ASSOCIATED FACTORS TOWARDS HERBAL MEDICINE AMONG TRADITIONAL MEDICINE STUDENTS AT CANTHO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2021

Background: These days, the need to provide knowledge about medicinal plants, especially for Traditional medicine's students, is very important. **Objectives:** To determine the percentage of students who have knowledge about herbal medicine and factors related to the knowledge of traditional medicine students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy **Material and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted by interviews with students through questionnaires about plant names, medicinal parts, effects of plants. Twenty-five common medicinal plants in the Mekong Delta were selected in a pilot survey from 70 medicinal plants in a list of medicinal plants used in traditional medicine examination and treatment established by the Ministry of Health. The survey was conducted on 120 students of traditional medicine in years 1, 2, 5 and 6 from June 2021 to July 2021. **Results:** Students with good knowledge of plant names accounted for 35.8%, used part was 36.7% and effect was 26.7%. The average number of correct answers about the plant name was 13.63/25, the used part was 13.58/25 and the effect was 10.90/25 plants. **Conclusion:** Most students had not good knowledge about medicinal

*Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Ngọc Chi Lan

Email: nnclan@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 31.01.2023

Ngày phản biện khoa học: 20.3.2023

Ngày duyệt bài: 30.3.2023

plants. **Keywords:** Traditional medicine, herbal medicine, students of Can Tho University of Medicine and Pharmacy, knowledge.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thời đại hội nhập, nền Y học cổ truyền (YHCT) vẫn đang từng ngày được gìn giữ và phát triển. Nhận thấy giá trị của cây thuốc nam và tiềm năng to lớn đối với nguồn dược liệu của Việt Nam. Chúng tôi đã tìm hiểu các đề tài về kiến thức cây thuốc nam nhưng đa số các đề tài hiện nay chỉ khảo sát đối tượng người dân, ít đề cập đến kiến thức về cây thuốc nam của sinh viên. Đặc biệt đối tượng sinh viên ngành Y học cổ truyền là đội ngũ tương lai cho việc xây dựng và thúc đẩy sự phát triển nguồn dược liệu nước nhà, là thế hệ với trách nhiệm tuyên truyền hướng dẫn và sáng tạo trong việc sử dụng dược liệu. Vì thế nhu cầu đào tạo sinh viên có kiến thức nền tảng tốt về dược liệu là hết sức quan trọng. Trên thực tế đó, nhóm nghiên cứu của chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu chính: Xác định tỉ lệ sinh viên trường Đại học Y Dược Cần Thơ có kiến thức tốt về thuốc nam và một số yếu tố liên quan.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Tiêu chuẩn chọn mẫu: Nghiên cứu này chọn 2 nhóm sinh viên ngành y học cổ truyền: sinh viên chưa học các môn liên quan đến dược liệu và sinh viên đã học qua các môn liên quan đến dược liệu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Đối tượng không đồng ý tham gia nghiên cứu

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: phương pháp mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu:

$$n \geq \frac{Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \times p(1-p)}{\epsilon^2}$$

Trong đó: n: cỡ mẫu tối thiểu cần có (số sinh viên cần phỏng vấn)

p: tỷ lệ sinh viên có kiến thức chưa tốt về cây thuốc nam. Chúng tôi lấy $p = 0,5$. Khi đó $p(1-p) = 0,25$ là lớn nhất và cỡ mẫu cũng tối đa

Z: Giới hạn tin cậy, α là xác suất sai lầm loại I. Ấn định $\alpha = 0,05 \rightarrow Z = 1,96$.

ϵ : độ chính xác của ước lượng. Ta chọn $\epsilon = 0,1$

Thay các giá trị trên vào công thức ta có cỡ mẫu $n \geq 97$.

Như vậy, số sinh viên cần chọn để phỏng vấn tối thiểu 100 sinh viên. Thực tế, chúng tôi đã phỏng vấn 120 sinh viên và số liệu này là phù

hợp. Thời gian tiến hành phỏng vấn tại trường Đại học Y dược Cần Thơ từ tháng 6/2021 đến tháng 7/2021.

Phương pháp chọn mẫu: Chọn 30 sinh viên ở mỗi khóa năm 1, 2, 5 và 6 trong khoảng thời gian tháng 6 đến tháng 7 năm 2021 bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản. Ở mỗi khóa lập danh sách sinh viên có mặt trong buổi khảo sát và phù hợp với tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại trừ. Mỗi sinh viên nhận ngẫu nhiên một số thứ tự. Sử dụng phần mềm SPSS 20.0 chọn ngẫu nhiên 30 sinh viên.

Nội dung, công cụ và tiêu chuẩn đánh giá:

- Kiến thức về cây thuốc nam của sinh viên: kiến thức được đánh giá bằng 75 câu hỏi bao gồm nhóm câu hỏi về tên cây, bộ phận dùng, tác dụng của 25 cây thuốc nam. Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, câu trả lời sai hoặc không trả lời được 0 điểm. Sử dụng thang đo của Luo Wei Kang và cộng sự [8] để đánh giá kiến thức về cây thuốc nam của sinh viên, trong đó sinh viên có tỉ lệ trả lời đúng trên 65,0% tổng số câu hỏi được phân loại là tốt.

- Một số yếu tố liên quan đến kiến thức cây thuốc nam của sinh viên: Nghiên cứu chúng tôi xác định các yếu tố liên quan đến kiến thức về cây thuốc nam bao gồm: Tuổi, giới tính, học lực, niên khóa, quê quán và việc sử dụng cây thuốc nam của gia đình. Mô tả yếu tố liên quan dựa trên phân loại điểm kiến thức về tên cây bộ, bộ phận dùng, tác dụng của cây thuốc nam được đề cập ở mục 2.3.3. Chúng tôi thực hiện kiểm định Chi bình phương (χ^2) tính chỉ số tỉ suất chênh OR (Odds Ratio), 95% khoảng tin cậy CI (Confidence Interval) và giá trị p.

Phương pháp thu thập dữ liệu: Phỏng vấn kết hợp quan sát sinh viên trả lời thông qua bộ tranh cây thuốc nam. Đánh giá kiến thức qua bảng kiểm về tên cây bộ phận dùng và tác dụng của cây thuốc nam.

Phương pháp xử lý dữ liệu: Sử dụng phần mềm SPSS 20.0

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung về đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm $1-\frac{\alpha}{2}$ chung của nghiên cứu

Đặc điểm chung		Tần số n=120	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	40	33,3
	Nữ	80	66,7
Tuổi	Trung bình \pm SD	21,8 \pm 2,5	
	Năm 1	30	25,0

Khóa	Năm 2	30	25,0
	Năm 5	30	25,0
	Năm 6	30	25,0
Quê quán	Thành thị	38	31,7
	Nông thôn	82	61,3
Học lực	Xuất sắc	4	3,3
	Giỏi	34	28,3
	Khá	71	59,2
	Trung bình	11	9,2

Nhận xét: Sinh viên nữ chiếm đa số (66,7%). Độ tuổi trung bình của sinh viên là 21,8±2,5 tuổi. Tỷ lệ sinh viên mỗi nhóm là 25%. Sinh viên có quê quán ở nông thôn chiếm tỷ lệ cao nhất (61,3%) và sinh viên có học lực loại giỏi và khá chiếm tỷ lệ cao, lần lượt là 28,3% và 59,2%.

3.2. Kiến thức về cây thuốc nam của sinh viên

Bảng 2. Kết quả chung về tên gọi, bộ phận dùng, tác dụng của 25 cây thuốc mà sinh viên trả lời đúng

Câu hỏi	Điểm	Điểm tối đa	Trung bình số cây trả lời đúng
Tên cây	25	25	13,63±7,04
Bộ phận dùng	25	25	13,58±7,58

3.3. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức cây thuốc nam của sinh viên

Bảng 3. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức cây thuốc nam

		Tốt n(%)	Chưa tốt n(%)	p	OR (95%CI)
Giới tính	Nam	10(25)	30(75,0)	0,478	0,733 (0,311-1,729)
	Nữ	25(31,2)	55(68,8)		
Học lực	Xuất sắc & giỏi	11(28,9)	27(71,1)	0,971	0,985 (0,422-2,297)
	Khá & trung bình	24(29,3)	58(70,7)		
Niên khóa	Năm 1 & 2	6(10,0)	54(90,0)	<0,001	8,419 (3,419-22,517)
	Năm 5 & 6	29(18,3)	31(51,7)		
Nhóm tuổi	<22 tuổi	6(10,2)	53(89,8)	<0,001	0,125 (0,047-0,334)
	≥22 tuổi	29(47,5)	32(52,5)		
Quê quán	Thành thị	7(18,4)	31(81,6)	0,078	0,435 (0,170-1,113)
	Nông thôn	28(34,1)	54(65,9)		
Gia đình có sử dụng	Có	29(26,0)	60(63,0)	0,163	2,014 (0,744-5,448)
	Không	6(9,0)	25(22,0)		

Nhận xét: Nhóm sinh viên nữ, khá và trung bình, năm 5 và 6, ≥22 tuổi, quê quán ở nông thôn và gia đình có sử dụng cây thuốc nam có kiến thức tốt hơn nhóm sinh viên còn lại.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung. Trong số 120 sinh viên tham gia khảo sát, sinh viên nữ chiếm 66,7% và nam chiếm 33,3% có điểm tương đồng so với nghiên cứu của Hoàng Thị Hoa Lý [2]: nam chiếm 45,1% và nữ 52,7%. Hay ở nghiên cứu của Khorasgani, S. R [5] nữ chiếm 71,6% và nam chiếm 25,7%.

Nghiên cứu của chúng tôi gồm các sinh viên

Tác dụng	25	10,90±8,47
-----------------	----	------------

Nhận xét: Một sinh viên trả lời đúng tên của 13,63±7,04 cây, bộ phận dùng của 13,58±7,58 cây, tác dụng của 10,90±8,47 cây.



■ Tốt ■ Chưa Tốt

Biểu đồ 1. Kết quả khảo sát tên gọi, bộ phận dùng, tác dụng 25 cây thuốc nam sinh viên tham gia khảo sát (đơn vị%)

Nhận xét: Đa phần sinh viên phân loại ở mức chưa tốt (số cây trả lời đúng dưới 65,0% số cây được khảo sát). Trong đó, ở câu hỏi tác dụng, số sinh viên đạt mức phân loại chưa tốt chiếm tỷ lệ cao nhất (73,3%). Ở câu hỏi về tên cây, bộ phận dùng và tác dụng của cây thuốc, tỷ lệ sinh viên có kiến thức tốt lần lượt là: 35,8%; 36,7% và 26,7%.

năm 1, năm 2, năm 5 và năm 6 với tỷ lệ sinh viên mỗi khóa là 25%. Một nghiên cứu khác của Zaidi Syed Faisal [7] sinh viên năm 2, năm 5 và năm 6 chiếm tỷ lệ lần lượt là: 29,6%; 22,1% và 11,7%. Độ tuổi trung bình của sinh viên là 21,8±2,5 tuổi, tương đương với nghiên cứu của Qu, F. [6] độ tuổi trung bình là 21,9±2 tuổi.

Sinh viên có học lực loại xuất sắc, giỏi, khá và trung bình chiếm tỷ lệ lần lượt là 3,3%;

28,3%; 59,2% và 9,2%. Phần lớn sinh viên tham gia khảo sát ở mức học lực Khá (59,2%) và một số ít sinh viên có học lực xuất sắc (3,3%).

Sinh viên có quê quán ở nông thôn chiếm tỉ lệ cao nhất (61,3 %), có sự khác biệt lớn so với nghiên cứu của Hussain, S [4] là 88% sinh viên sống ở thành thị, 12% sinh viên sống ở nông thôn.

4.2. Kết quả khảo sát kiến thức về cây thuốc nam. Trung bình một sinh viên trả lời đúng tên của 13,6250/25 cây, bộ phận dùng của 13,5750/25 cây, tác dụng của 10,9000/25 cây. Phân loại kiến thức tốt và chưa tốt chiếm tỷ lệ lần lượt là: 29,2% và 70,8%. Kết quả có sự khác biệt đối với nghiên cứu của Luo Wei Kang và cộng sự [8] khi nghiên cứu về kiến thức trung dược của sinh viên cho kết quả sinh viên ngành dược học đạt mức phân loại tốt là 65,91%, mức phân loại chưa tốt là 34,09%; sinh viên ngành y học đạt mức phân loại tốt là 66,21%, mức phân loại chưa tốt là 33,79%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương đồng với nhóm sinh viên không thuộc chuyên ngành y dược học của nghiên cứu Luo Wei Kang và cộng sự [8] với kết quả đạt mức phân loại tốt là 38,16%, mức phân loại chưa tốt là 61,84%. Kết quả cho thấy kiến thức cả ba câu hỏi định danh, bộ phận dùng và tác dụng ở mức phân loại chưa tốt chiếm tỷ lệ cao nhất, kết quả này cũng có điểm tương đồng với các nghiên cứu trước đó như Đào Huy Chương [1], nghiên cứu của Hoàng Thị Hoa Lý [2], nghiên cứu của Ameade EP [3]. Có thể do 50% là sinh viên năm nhất và năm hai chưa được học các học phần về thuốc nên phần lớn thiếu hụt kiến thức về các cây thuốc nam. Hay phần lớn sinh viên chưa có sự quan tâm đến việc tìm hiểu về thuốc nam nên quá trình tiếp thu kiến thức hơi hợt, khó nhớ để quên hay lãng quên theo thời gian (Forgetting Curve của Hermann Ebbinghaus), từ đó dẫn đến kết quả khảo sát thấp. Quá trình tiếp xúc với cây thuốc nam trong đời sống hằng ngày cũng giúp một phần sinh viên vượt qua các câu hỏi định danh về cây thuốc nam. Việc đưa thực tế sinh động vào học tập là một vấn đề cần được chú trọng.

Điểm trung bình của 120 sinh viên ở câu hỏi tác dụng của cây thuốc nam đạt được thấp nhất trong 3 câu hỏi. Có thể do tên cây và bộ phận dùng là những câu hỏi ở mức độ nhận biết dễ ghi nhớ, đối lập với câu hỏi tác dụng thường dài dòng, trùng lặp lẫn nhau, cần có nền tảng vững chắc, nhiều kiến thức hơn để lý giải nên phần lớn sinh viên không trả lời được. Trong khi đó tác dụng là một phần không thể thiếu khi học về dược liệu bởi vậy cần đề ra những biện pháp

thích hợp để nâng cao khả năng học tập của sinh viên. Không chỉ dừng lại trên lý thuyết mà còn cần kết hợp thực tế với lý thuyết, giúp sinh viên tiếp xúc nhiều hơn với cây thuốc nam. Nhận thấy thực trạng trên giải pháp vườn thuốc nam cho sinh viên là một vấn đề cần thiết để giúp sinh viên có hứng thú trong học tập. Định hướng trong thời gian tới, nhà trường và bộ môn Y học cổ truyền cần đưa ra phương hướng học tập mới đặt biệt nghiên cứu và xây dựng mô hình vườn thuốc nam để sinh viên "học thật và thực hành thật".

4.3. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức. Trong nghiên cứu của chúng tôi cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở một số đặc điểm như giới tính, trình độ học vấn, gia đình có hay không sử dụng cây thuốc nam và quê quán. Kết quả trên có sự tương đồng với nghiên cứu của Ameade EP [3].

Kết quả phân tích liên quan giữa kiến thức và niên khóa của sinh viên ở bảng 3 cho thấy sinh viên năm 5 và năm 6 có kiến thức về cây thuốc nam tốt hơn sinh viên năm 1 và 2 và gặp 8,419 lần. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng phù hợp với nghiên cứu của Ameade EP [3]: điểm kiến thức về thảo dược của sinh viên năm 2, năm 3 và năm 4 lần lượt là: 4,15; 4,59; 6,07 điểm. Điều này cho thấy hiệu quả của quá trình truyền đạt kiến thức sinh viên học qua các học phần về thuốc có thể trả lời chính xác các câu hỏi về tên cây, bộ phận dùng, tác dụng của cây thuốc nam. Sinh viên năm 1 và 2 phần lớn có kiến thức chưa tốt về cây thuốc nam. Vậy nên, cần có nhiều các hoạt động trao đổi kiến thức, tạo hứng thú để hiệu quả hơn trong công tác giảng dạy và truyền đạt kiến thức.

Phân tích liên quan giữa kiến thức và nhóm tuổi sinh viên ở bảng 3 cho thấy sinh viên ≥ 22 tuổi có kiến thức về cây thuốc nam tốt hơn sinh viên < 22 tuổi với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Nguyên nhân có thể do sinh viên ≥ 22 tuổi đa phần là các sinh viên đã được học các học phần về thuốc, có nhiều trải nghiệm trong điều trị bệnh, nhiều cơ hội tiếp xúc thực tế với cây thuốc nam, từ đó lượng kiến thức về cây thuốc nam cũng được tích lũy dần theo thời gian.

Chúng tôi tin rằng quá trình tích lũy kiến thức và tiếp xúc với thực hành trong môi trường thực tế sẽ ảnh hưởng đến kiến thức về cây thuốc nam của sinh viên và cần có những nghiên cứu với cỡ mẫu lớn hơn, đa dạng câu hỏi và hình thức trả lời, thang điểm đánh giá sẽ làm rõ vấn đề này.

V. KẾT LUẬN

Kiến thức về cây thuốc nam của sinh viên hiện tại chưa tốt khi chỉ có 29,2% sinh viên đạt mức phân loại tốt về kiến thức cây thuốc nam. Trung bình sinh viên trả lời đúng tên của 13,63/25 cây, bộ phận dùng của 13,58/25 cây và tác dụng của 10,90/25 cây. Ngoài ra nghiên cứu của chúng tôi phát hiện được rằng niên khóa và độ tuổi là hai yếu tố có liên quan đến kiến thức cây thuốc nam của sinh viên ngành Y học cổ truyền hiện nay. Vì vậy cần có các giải pháp để sinh viên trao đổi và nắm vững các kiến thức về cây thuốc nam nói chung và dược liệu nói riêng hơn nữa, đặc biệt đối với nguồn tài nguyên dược liệu phong phú của nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Đào Huy Chương (2020)**, Thực trạng nguồn lực và nhu cầu sử dụng y học cổ truyền của người bệnh tại trạm y tế Quận Thủ Đức năm 2020. Luận văn thạc sĩ y học, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, Hà Nội.
2. **Hoàng Thị Hoa Lý (2015)**, Đánh giá thực trạng và hiệu quả can thiệp y học cổ truyền tại tuyến xã ở 3 tỉnh Miền Trung, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Y Hà Nội.
3. **Ameade EP, Amalba A, Helegbe GK, Mohammed BS (2015)**, Medical students' knowledge and attitude towards complementary and alternative medicine - A survey in Ghana. *J Tradit Complement Med*;6(3):230-6.
4. **Hussain, S., Malik, F., Hameed, A., Ahmed, S., Riaz, H., Abbasi, N., và Malik, M. (2012)**, Pakistani pharmacy students' perception about complementary and alternative medicine. *American journal of pharmaceutical education*; 76(2): p. 21.
5. **Khorasgani, S. R. and Moghtadaie, L. (2014)**, Investigating knowledge and attitude of nursing students towards Iranian traditional medicine-case study: universities of Tehran in 2012-2013. *Global journal of health science*; 6(6): p. 168-177.
6. **Qu, F., Zhang, Q., Dai, M. and et al (2021)**, An evaluation survey of traditional Chinese medicine learning among international students majoring in conventional medicine: a study from a university in China. *BMC complementary medicine and therapies*; 21(1): p. 16.
7. **Zaidi Syed Faisal, Khan Anwar, Saeed Sheikh A and et al (2021)**, Knowledge, Attitude and Practice Regarding Herbal Medicine Among Medical Students in Saudi Arabia. *RADS Journal of Pharmacy and Pharmaceutical Sciences*; 9: p. 25-39.
8. **Lou Wei Kang, Hu Yuan Long, Cui Yu Ying and Li Yu Kun [罗伟康, 胡渊龙, 崔玉莹 & 李玉坤] (2016)**, 大学生对中药知识的了解运用情况分层研究. *光明中医*(20): p. 3026-3028.

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CAN THIỆP CỦA DƯỢC SĨ LÊN VIỆC THEO DÕI TRỊ LIỆU VANCOMYCIN TẠI KHOA HỒI SỨC TÍCH CỰC - CHỐNG ĐỘC, BỆNH VIỆN NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Võ Thị Hà^{1,2}, Nguyễn Tuấn Anh³

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Đánh giá hiệu quả của can thiệp bởi dược sĩ liên quan theo dõi trị liệu thuốc vancomycin (TDM) tại Khoa hồi sức tích cực - Chống độc (HSTC-CD), Bệnh viện Nguyễn Tri Phương. **Đối tượng, phương pháp:** hồi cứu 82 bệnh án có TDM vancomycin trong đó 40 bệnh án trong giai đoạn chưa có dược sĩ lâm sàng (trước can thiệp từ 3/2020-8/2020) và 42 bệnh án trong giai đoạn có dược sĩ lâm sàng làm việc tại Khoa HSTC-CD (sau can thiệp từ 9/2020-2/2021). **Kết quả:** Tỷ lệ tuân thủ hiệu chuẩn liều theo hướng dẫn tăng từ 60,6% ở nhóm không can thiệp lên 79,2% sau can thiệp, khác biệt có ý nghĩa

thống kê, $p=0,019$. Tỷ lệ mẫu nồng độ đạt đích điều trị tăng từ 26,7% lên 42,0%, khác biệt có ý nghĩa thống kê, $p=0,036$. Tỷ lệ người bệnh có ít nhất một nồng độ đạt đích trong khoảng mục tiêu điều trị tăng từ 35,0% lên 57,1%, khác biệt có ý nghĩa thống kê, $p=0,039$. Thời gian nằm viện giảm từ 28,56 ngày xuống 22,48 ngày, khác biệt không có ý nghĩa thống kê. **Kết luận:** Thực hiện theo hướng dẫn TDM vancomycin có sự can thiệp của dược sĩ lâm sàng tăng tỷ lệ mẫu đạt nồng độ đích trong điều trị và tăng tỷ lệ người bệnh đạt nồng độ đích điều trị.

Từ khóa: theo dõi trị liệu thuốc, vancomycin, can thiệp của dược sĩ, hướng dẫn, kháng sinh

SUMMARY

EVALUATION OF THE EFFECTIVENESS OF PHARMACIST'S INTERVENTIONS ON VANCOMYCIN THERAPY MONITORING IN THE INTENSIVE CARE UNIT - ANTI-POISON, NGUYEN TRI PHUONG HOSPITAL

Objective: Evaluating the effectiveness of the pharmacist's interventions for applying TDM vancomycin guidelines at the Intensive Care Unit -

¹Bệnh viện Nguyễn Tri Phương

²Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch

³Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Võ Thị Hà

Email: havothipharma@gmail.com

Ngày nhận bài: 30.01.2023

Ngày phản biện khoa học: 22.3.2023

Ngày duyệt bài: 30.3.2023